

30年度クリスマス大会 要綱

日 時 平成30年12月22日(土)
予備日 12月23日(日)

時 間 種目 受付時間
MIX、女子 8:50迄に受付をすませる事
男子 10:00迄に受付をすませる事

*** 受付時間迄に届けられない場合は棄権とします**

*** 天候による実施判断は当日の9時に会場にて行う**

試合方法

*** 17:00迄に消化できな場合は打ち切りとします**

- ①組み合わせは当日抽選(受付時点)
- ②各種目とも予選リーグ戦は4ゲーム先取ノード
- ③後半決勝トーナメントを行う(4ゲーム先取ノード)
トーナメント進出ペアは予選リーグ1, 2位とする
- ④各試合とも試合前の練習はサービス4本とする
但しサービス練習は初戦のみとする

試合中のけが、傷害については、救急車の手配のみ行いますが、それ以外の責任は一切負いません。

鈴鹿テニス協会ホームページ

<http://suzuka-tennis-association.com/>

* * * * * 本大会に関する問い合わせ * * * * *

普及部 中西 利雄
090-5609-1661

予選リーグ

男子 Aグループ

	A-1	A-2	A-3	A-4
A-1				
A-2				
A-3				
A-4				

順番

1	A-1			X			A-2
2	A-3			X			A-4
3	A-1			X			A-3
4	A-4			X			A-2
5	A-1			X			A-4
6	A-3			X			A-2

男子 Bグループ

	B-1	B-2	B-3	B-4
B-1				
B-2				
B-3				
B-4				

順番

1	B-1			X			B-2
2	B-3			X			B-4
3	B-1			X			B-3
4	B-2			X			B-4
5	B-1			X			B-4
6	B-2			X			B-3

予選リーグ

男子 Cグループ

	C-1	C-2	C-3	C-4
C-1				
C-2				
C-3				
C-4				

順番

1	C-1			X			C-2
2	C-3			X			C-4
3	C-1			X			C-3
4	C-2			X			C-4
5	C-1			X			C-4
6	C-2			X			C-3

男子 Dグループ

	D-1	D-2	D-3	D-4	D-5
D-1					X
D-2				X	
D-3					
D-4		X			
D-5	X				

順番

1	D-1			X			D-2
2	D-3			X			D-4
3	D-2			X			D-5
4	D-1			X			D-3
5	D-4			X			D-5
6	D-1			X			D-4
7	D-2			X			D-3
8	D-3			X			D-5

予選リーグ

女子 Aグループ

	A-1	A-2	A-3	A-4
A-1				
A-2				
A-3				
A-4				

順番

1	A-1			X		A-2
2	A-3			X		A-4
3	A-1			X		A-3
4	A-4			X		A-2
5	A-1			X		A-4
6	A-3			X		A-2

女子 Bグループ

	B-1	B-2	B-3	B-4
B-1				
B-2				
B-3				
B-4				

順番

1	B-1			X		B-2
2	B-3			X		B-4
3	B-1			X		B-3
4	B-2			X		B-4
5	B-1			X		B-4
6	B-2			X		B-3

女子 Cグループ

	C-1	C-2	C-3	C-4
C-1				
C-2				
C-3				
C-4				

順番

1	C-1			X		C-2
2	C-3			X		C-4
3	C-1			X		C-3
4	C-2			X		C-4
5	C-1			X		C-4
6	C-2			X		C-3

予選リーグ

MIX Aグループ

	A-1	A-2	A-3	A-4
A-1				
A-2				
A-3				
A-4				

順番

1	A-1			X			A-2
2	A-3			X			A-4
3	A-1			X			A-3
4	A-4			X			A-2
5	A-1			X			A-4
6	A-3			X			A-2

MIX Bグループ

	B-1	B-2	B-3	B-4
B-1				
B-2				
B-3				
B-4				

順番

1	B-1			X			B-2
2	B-3			X			B-4
3	B-1			X			B-3
4	B-2			X			B-4
5	B-1			X			B-4
6	B-2			X			B-3

MIX Cグループ

	C-1	C-2	C-3	C-4
C-1				
C-2				
C-3				
C-4				

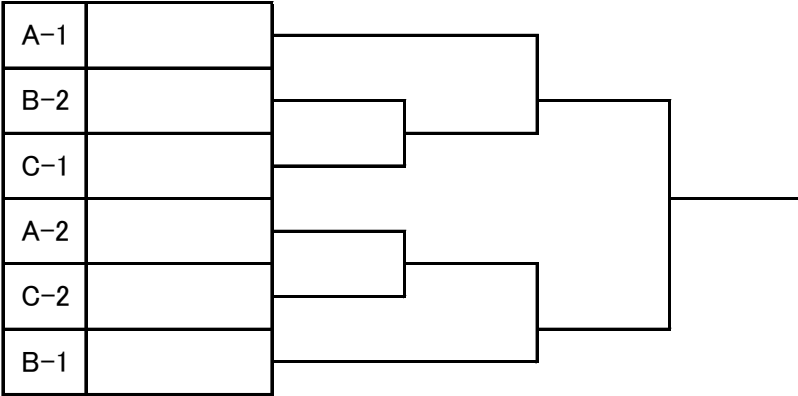
順番

1	C-1			X			C-2
2	C-3			X			C-4
3	C-1			X			C-3
4	C-2			X			C-4
5	C-1			X			C-4
6	C-2			X			C-3

トーナメント

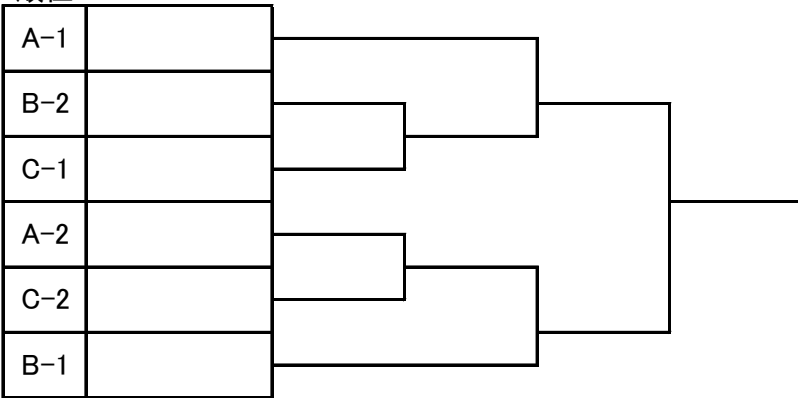
ブロック
順位

MIX



ブロック
順位

女子



ブロック
順位

男子

